

BA VÁT-

Cảng thị cổ ở Bến Tre

NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP*

Bến Tre là một tỉnh châu thổ nằm sát biển thuộc đồng bằng sông Cửu Long, có diện tích 2.315km², phía Bắc giáp tỉnh Tiền Giang, phía Nam giáp tỉnh Trà Vinh, phía Tây giáp tỉnh Vĩnh Long và phía Đông giáp biển. Bến Tre được hợp thành bởi ba cù lao lớn (Cù lao Minh, Cù lao An Hóa và Cù lao Bảo), do phù sa của bốn nhánh sông Cửu Long là sông Tiền, sông Hàm Luông, sông Ba Lai và sông Cổ Chiên bồi tụ nên qua nhiều thế kỷ. Hệ thống kênh rạch nơi đây chằng chịt, nối liền các dòng sông lớn nói trên, nên không chỉ thuận lợi cho việc giao thông bằng đường thủy mà còn thuận lợi trong sản xuất nông nghiệp.

Trước đây, Bến Tre là khu vực sinh tụ của người Khmer. Cho đến những năm đầu của thế kỷ XVII, nơi đây vẫn chỉ là vùng đất còn hoang hóa, cỏ cây rậm rạp; việc khai khẩn ruộng vườn của cư bản địa người Khmer tập trung chủ yếu trên các giồng đất cao ở Cù lao Bảo, Cù lao Minh,... Đến cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII, người Việt mới đến đây cư ngụ. Sau đó, những nhóm người Hoa, do nhiều nguyên nhân, đã rời đại lục sang Việt Nam; họ được chúa Nguyễn cho phép vào định cư và khai phá vùng đất ở phía Nam, một phần trong số họ đã đến Bến Tre và cư trú dọc theo các giồng đất ven sông.

Là những người rời bỏ quê hương ra đi tìm cuộc sống mới, nên những nhóm lưu dân người

Việt lẫn người Hoa, khi đến đây, đều khẩn trương khai hoang, chặt phá cây cối, xây dựng nhà cửa, mở mang vườn tược, ruộng đồng để ổn định cuộc sống của mình. Người Việt chủ yếu tập trung vào khai vỡ đất hoang để sản xuất nông nghiệp; còn người Hoa, vốn là một dân tộc có truyền thống về buôn bán, nên trong số họ, một số sống bằng nông nghiệp, số còn lại mở cửa hàng buôn bán và sản xuất các mặt hàng thủ công- Họ biết dựa vào lợi thế của các con sông mà phát triển việc buôn bán của mình. Thuyền buôn của họ rong ruổi khắp nơi, không chỉ trong khu vực Bến Tre, mà lan rộng ra nhiều cảng thị khác trong nước, có khi sang tận Xiêm La, Cao Miên, Trung Quốc đương thời...

Lúc này, nhiều chợ ở Bến Tre được hình thành trên những giồng đất cao, khô ráo ven sông ở các huyện Duy Minh, Bảo Hựu, Bảo An,... Điều này được Nguyễn Liên Phong viết trong *Nam kỳ phong tục nhân vật điển ca* như sau: "Bến Tre thành phố nghiêm trang, Bên phan bên niết lớp lang tứ bề/Tàu dò thường bữa đi về, Ghe, đò các chợ chực kể rước đưa/Ghe buôn lớp nhật lớp thưa, Đậu theo bực thạch vừa vừa chen nhau"¹. Trong đó, chợ Ba Vát (còn gọi là Ba Việt) ở huyện Tân Minh là một trong những khu chợ sầm uất, đồng thời là cảng thị nổi tiếng của tỉnh Bến Tre thời bấy giờ.

Trong thời kỳ thịnh vượng, Ba Vát được chọn làm lỵ sở của huyện Tân Minh. Sách *Đại Nam*

* ĐÀI PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH
TỈNH BẾN TRE

nhất thống chí của triều Nguyễn ghi nhận: "Huyện trị Tân Minh chu vi 64 trượng, rào tre. Nguyên trước đặt làm huyện trị Tân An tại địa phận thôn Phước Hạnh, xứ Ba Việt, năm Minh Mạng thứ 4 (1823) cải làm phủ trị Hoằng An; năm Tự Đức thứ 4 (1851) dẹp phủ Hoằng An đổi làm huyện Tân minh"². Địa danh Ba Vát thuộc Tân Minh, nằm trên Cù lao Minh cũng được Nguyễn Liên Phong nhắc đến trong *Nam kỳ phong tục nhân vật điển ca*: "Phía Minh là phía Mỏ Cà, Trên thì Ba Vát dưới rày Băng Cung"³.

Ngoài chức năng là một lỵ sở của huyện Tân Minh thì Ba Vát cũng là một trong những cảng thị sầm uất của tỉnh Bến Tre lúc bấy giờ. Nơi đây phố xá trù mật, dân cư đông đúc, sông rạch chằng chịt, nên cư dân dựa vào các dòng sông để làm đường giao thông chính, nhà cửa của họ thường quay mặt ra sông để tiện lợi cho việc sinh hoạt cũng như buôn bán, trao đổi hàng hóa. Tại Ba Vát còn có một chợ lớn nằm ở ven sông nên thuyền buôn ra vào tấp nập. Vị thế của Ba Vát được sách *Đại Nam nhất thống chí* ghi: "Ngôi An Vĩnh ở phía Tây huyện Tân Minh 15 dặm, bờ phía Tây sông Hàm Long, rộng 12 trượng rưỡi, sâu 7 trượng. Chi phía Tây chảy 10 dặm đến đả Lan Sái rồi chảy qua Nam chuyển quanh 22 dặm đến ngã ba đả Gia Khánh; lại chảy xuống Nam ra cửa Cổ Chiên. Chi phía Nam chảy 1 dặm đến chợ Ba Việt lại chuyển qua Nam 16 dặm đến đả Thanh Trung vào sông Long Hồ rồi chuyển xuống Đông 22 dặm đến Lê Đầu tiểu giang; lại chuyển qua Nam đến đả Thanh Thủy thông ra cửa Bàn Côn"⁴. Nhờ vị thế thuận lợi ấy, nên việc thông thương giữa Ba Vát với các địa phương khác trong tỉnh hoặc vượt ra ngoài ranh giới của địa phương hết sức dễ dàng. Hàng hóa từ các nơi đổ về Ba Vát và từ Ba Vát xuất đi các khu vực khác, ghe thuyền đêm ngày tụ họp đông đảo ở Ba Vát. Trong sách *Gia Định thành thông chí*, Trịnh Hoài Đức miêu tả: "Nơi đây phố xá liên lạc, ghe thuyền đậu tiếp tục đến huyện lỵ Tân An. Cách đó 15 dặm rưỡi sông Mỏ Cà cũng có phố xá trù mật"⁵. Sách *Đại Nam nhất thống chí* cũng ghi: "Chợ Ba Việt ở thôn Phước Hạnh ngay nơi huyện trị Tân Minh. Phố xá liên lạc, ghe thuyền tới lui tiếp tục"⁶. Đến cuối thế kỷ XVIII, Ba Vát là nơi diễn ra trận chiến giữa quân Tây Sơn và Nguyễn Ánh, do đó khu vực này bị

tàn phá nặng nề, dân chúng phiêu tán nhiều nơi, phải mất đến vài thập kỷ sau thì Ba Vát mới được khôi phục lại phần nào.

Ngày nay, dù đã mất đi vai trò là một cảng thị, nhưng những dấu tích và di vật còn sót lại vẫn đủ minh chứng về một thuở huy hoàng của Ba Vát. Trong những năm qua, tại khu vực Ba Vát, các nhà nghiên cứu và người dân đã tìm thấy rất nhiều di vật có liên quan đến thời kỳ thịnh vượng của cảng thị Ba Vát trong lịch sử. Điển hình là cuối năm 2003, đầu năm 2004, Bảo tàng Bến Tre (Sở Văn hóa- Thông tin Bến Tre, nay là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bến Tre) phối hợp cùng Viện Khảo cổ học Việt Nam tiến hành khai quật tại khu vực cảng thị Ba Vát trước đây.

Tại hố khai quật thứ nhất, có diện tích 30m², ở vườn sau nhà ông Võ Văn Hòa, cách bờ Đông của sông Ba Vát khoảng 61.0m, các nhà khảo cổ đã tìm thấy rất nhiều mảnh gốm men xanh trắng, trắng đục, men nâu. Đa số hiện vật phát hiện tại hố khai quật có niên đại kéo dài từ cuối thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XX, trong đó có 14 hiện vật gốm được men (bát, đĩa, bình vôi,...) trang trí các đề tài hoa lá cách điệu, đường sóng gấp khúc, song hỷ, rồng, hoa cúc, cây chuối... có nguồn gốc Việt Nam. Bên cạnh đó, các nhà khảo cổ cũng phát hiện rất nhiều mảnh gốm và 86 chiếc chén, đĩa, bát, muống được tráng men xanh trắng vẽ lam và men đơn sắc, men trắng có xuất xứ từ Trung Quốc, với các đồ án trang trí như: chữ Thọ, chữ Phúc tròn, song hỷ, rồng châu mặt trắng, trúc lâm thất hiền, kỳ lân, tứ quý, phong cảnh sơn thủy, hình hoa cúc. Bên cạnh đó, trong hố khai quật còn thu được nhiều mảnh sành tráng men màu nâu đen, đen và da lươn hoặc không tráng men và một số loại hiện vật khác như sắt, đá mài, thủy tinh, xương, răng, tiền đồng, gáo dừa, cọc gỗ, san hô,...

Sau đó, các nhà khảo cổ mở tiếp hố khai quật thứ hai tại vườn trước nhà ông Nguyễn Văn Thôi. Hố này có diện tích 10m², cách hố thứ nhất về hướng Đông- Bắc khoảng 43.0m, cách bờ Đông sông Ba Vát 70m. Tại đây, các nhà khảo cổ đã tìm thấy nhiều đồ gốm men Việt Nam có niên đại thế kỷ XIX- XX, gồm: muống, chén, đĩa và một số mảnh vỡ. Trong hố này cũng phát hiện khá nhiều đồ gốm men Trung Quốc có niên đại từ cuối thế kỷ XVIII đến

đầu thế kỷ XX. Ngoài ra, còn một số hiện vật khác như đá mài, cọc gỗ, tiền đồng...

Như vậy, "Việc phát hiện rất nhiều đồ gốm Trung Quốc chất lượng cao ở đây cho thấy, cư dân thời đó đã sử dụng và buôn bán những mặt hàng có giá trị lớn... Qua đó cho thấy, cư dân Ba Vát trong giai đoạn cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX chủ yếu sinh sống ở phía gần sông. Bước sang cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX thì mới lan rộng ra các nơi xa sông hơn" (Báo cáo khai quật).

Cùng những kết quả khai quật khảo cổ nói trên, cũng tại khu vực cảng thị Ba Vát, năm 2003, trong quá trình đào ao nuôi cá, ông Nguyễn Văn Tư ở ấp Phước Lý, xã Phước Mỹ Trung đã phát hiện một hũ tiền kim loại nặng 69kg. Năm 2006, cũng tại nơi đây, ông phát hiện thêm một hũ tiền khác nặng 40kg. Trong hai hũ tiền này có nhiều loại tiền thuộc các triều đại khác nhau, từ tiền Khai Nguyên thông bảo (nhà Đường), Càn Long thông bảo (nhà Thanh) của Trung Quốc, đến các loại tiền Thiên Thánh nguyên bảo (nhà Lý), Thiệu Phong bình bảo (nhà Trần), Thánh Nguyên thông bảo (nhà Hồ), Chiêu Thống thông bảo và Thái Hòa thông bảo (nhà Lê), An Phát thông bảo (nhà Mạc), Quang Trung thông bảo và Cảnh Thịnh thông bảo (nhà Tây Sơn), Gia Long thông bảo (nhà Nguyễn),... của Việt Nam. Như vậy, tiền trong hai hũ này có niên đại từ thế kỷ IX, X đến giữa thế kỷ XIX, trong đó phần lớn là tiền thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX và một số lượng lớn tiền mang niên hiệu Trị Bình nguyên bảo; Trị Bình thánh bảo; Minh Nguyên thông bảo; Nguyên Phong thông bảo; Hồng Hóa thông bảo; Tường Phù thông bảo; Chí Nguyên thông bảo...

Tiếp đó, vào năm 2007, trong lúc đào móng nhà tại khu chợ nằm kề với bờ Nam sông Ba Vát, cách khu vực khai quật năm 2004 khoảng 300m về phía Tây, nhân dân địa phương đã phát hiện một thùng gỗ đã bị mục nát, nằm sâu dưới lòng đất hơn 1m, bên trong có đựng nhiều đồ gốm. Theo một số nhà nghiên cứu thì đây là đồ gốm dân gian Trung Quốc được bán sang thị trường Đàng Trong. Những đồ gốm này có niên đại trùng hợp với những mảnh gốm đã được phát hiện trong các hố thám sát và khai quật tại địa điểm Ba Vát trước đây. Ngoài những đồ gốm dưới đáy có ghi niên hiệu, ở đây còn tìm được khá nhiều mảnh gốm ghi tên lò sản xuất

(còn đọc được) như: Vĩnh Lợi, Ngoạn Ngọc, Hợp Ngọc, Hợp Thuận. Khá nhiều mảnh gốm bị vỡ chỉ còn đọc được một chữ như Nội, Kim, Thuận, Thiên, Sang, Cận, Cổ, Triều, Xuân, Đức.

Những tư liệu lịch sử và di vật được tìm thấy tại Ba Vát, đặc biệt là những đồng tiền cổ thuộc nhiều thời đại khác nhau, những hiện vật gốm với nhiều loại hình, dòng men và đồ án trang trí, có xuất xứ từ Việt Nam và Trung Quốc... đã bước đầu chứng minh rằng, Ba Vát đã từng là một cảng thị phồn thịnh, là nơi tập trung buôn bán đồ gốm của các lò gốm Việt Nam và Trung Quốc trong suốt các thế kỷ XVII đến XIX. Do đó, việc tiếp tục khảo sát, nghiên cứu khu di tích Ba Vát là điều rất cần thiết. Thực hiện tốt nhiệm vụ này không chỉ giúp chúng ta có được những hiểu biết chính xác, đầy đủ hơn về cảng thị cổ Ba Vát, mà còn đặt cơ sở cho việc xác định định hướng và giải pháp đúng đắn nhằm bảo vệ, phát huy giá trị khu di tích này./

NT.N.D

Chú thích:

- 1- Nguyễn Liên Phong, *Nam kỳ phong tục nhân vật điển ca*, Nhà in Phát Toán, Sài Gòn, 1909, tr.15.
- 2- Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí - Lục tỉnh Nam Việt*, tập Hạ (Tu trai Nguyễn Tạo dịch), Nha Văn hóa - Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, tập số 3, 1959, tr.9.
- 3- Nguyễn Liên Phong, *Nam kỳ phong tục nhân vật điển ca*, tr.15.
- 4- Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tr.17.
- 5- Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*. Nxb. Giáo dục, 1998.
- 6- Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tr.23.

Tài liệu tham khảo:

- 1- Nguyễn Liên Phong, *Nam kỳ phong tục nhân vật điển ca*, Nhà in Phát Toán, Sài Gòn, 1909.
- 2- Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*. Nxb. Giáo dục, 1998.
- 3- Ngọc Dương, *Cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam*, Saigon, 1960.
- 4- Huỳnh Minh, *Địa linh non kiệt tỉnh Kiến Hòa (Bến Tre)*, Tác giả xuất bản, 1965.
- 5- Nguyễn Duy Oanh, *Tỉnh Bến Tre trong lịch sử Việt Nam*, Tủ sách Sử học Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, 1971.
- 6- Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí - Lục tỉnh Nam Việt*, tập Hạ (Tu trai Nguyễn Tạo dịch), Nha Văn hóa - Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, tập số 3, 1959.